

LIST HÀNG KHO VLXD

LỖ 32

Tôn cuộn thứ phẩm các loại (tôn lạnh, tôn kẽm, thép dày, thép cán nguội dạng cuộn)

Stt	Mã hàng (Mã Item)	Tên hàng	Mã lô, cuộn	Độ dày	Khổ	Khối lượng (Kg)			Tổng mét	Ghi Chú
						Net	Lãi	Gross		
1		Thép dày mạ kẽm Z35 phủ CR: 1.75mmx1175mm TCT SGC490	00570219010587500	1.75	1175	470	0	470		
2		Thép dày mạ kẽm Z275 phủ AF: 1.78mmx1055mm TCT SS 340 Class 1	00570318120145800	1.78	1055	1,320	0	1,320		
3		Thép dày mạ kẽm Z275 phủ CR: 2.25mmx1045mm TCT SS 340 Class 1	005702181110061500	2.25	1045	1,320	0	1,320		
4		Thép dày mạ lạnh AZ100 phủ AF: 1.00mmx1090mm BMT G250	00570218090115800	1	1090	550	0	550		
5		Tôn lạnh AS50 phủ AF: 0.20mmx1200mm BMT G550	00570419050449800	0.2	1200	450	50	500		
6		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1190mm BMT G550	00570419050528100	0.2	1190	620	50	670		
7		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm BMT G550	00570119050497800	0.2	1223	400	0	400		
8		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm BMT G550	00570119050495300	0.2	1223	1,390	0	1,390		
9		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1190mm BMT G550	00570419060050000	0.2	1190	1,580	50	1,630		
10		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm BMT G550	00570119060102700	0.2	1223	990	50	1,040		
11		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm BMT G550	00570119060126700	0.2	1223	570	50	620		
12		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.50mmx1219mm BMT G550	00570119060160400	0.5	1219	440	0	440		
13		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm TCT G550	00570419060153900	0.2	1223	510	50	560		
14		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm TCT G550	00570119060414500	0.2	1223	230	30	260		
15		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm BMT G550	00570119060531100	0.2	1223	300	50	350		
16		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.20mmx1223mm BMT G550	00570419060528400	0.2	1223	360	50	410		
17		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 1.07mmx1212mm G350	00570419070056500	1.07	1212	450	0	450		
18		Tôn phủ màu xanh BGL02 05/05: 0.80mmx1200mm G550	00570119070209000	0.8	1200	330	0	330		
19		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 1.37mmx1212mm G350	00570219080041400	1.37	1212	930	0	930		
20		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 1.07mmx930mm G350	00570419080410700	1.07	930	600	0	600		
21		Thép dày mạ lạnh AS70 phủ AF: 0.55mmx1223mm BMT G550	00570419080625700	0.55	1223	2,590	0	2,590		
22		Thép dày mạ lạnh AS70 phủ AF: 0.55mmx1223mm BMT G550	00570419080625800	0.55	1223	1,130	0	1,130		
23		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 0.75mmx1212mm G350	00570119090348900	0.75	1212	700	0	700		
24		Tôn lạnh AS100 phủ AF: 0.35mmx1223mm BMT G550	00570419090358600	0.35	1223	270	50	320		
25		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.50mmx1223mm BMT G550	00570119090510500	0.5	1223	670	0	670		
26		Thép cán nguội: 0.80mmx1130mm SPCC	00570119090964500	0.8	1130	310	0	310		
27		Thép cán nguội: 0.80mmx1130mm SPCC	00570119090977400	0.8	1130	230	0	230		
28		Thép cán nguội: 0.80mmx1130mm SPCC	00570119090990300	0.8	1130	370	0	370		
29		Thép dày mạ kẽm Z275 phủ CR: 2.40mmx1185mm BMT G450	00570319100203500	2.4	1185	2,310	0	2,310		
30		Thép dày mạ lạnh AS70 phủ AF: 0.65mmx1230mm BMT G550	00570219100151900	0.65	1230	1,600	0	1,600		
31		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.35mmx1219mm BMT G550	00570419100692500	0.35	1219	1,000	0	1,000		
32		Tôn lạnh AS70 phủ AF: 0.50mmx1223mm BMT G550	00570219100198400	0.5	1223	1,720	0	1,720		
33		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 1.07mmx1230mm G350	00570419100776200	1.07	1230	800	0	800		
34		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 1.37mmx1230mm G350	00570119100965100	1.37	1230	5,550	0	5,550		
35		Thép dày mạ kẽm Z080 phủ CR: 1.37mmx1230mm G350	00570119110001700	1.37	1230	3,250	0	3,250		
Tổng cộng						36,310	480	36,790		